

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ân**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Nguyễn Mộng Cẩm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Cẩm T**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Phan Hữu Q**, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Bà **Hà Kim N**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Hữu Q thành hôn vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống gần 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng

trầm trọng do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, xung đột nên vợ chồng sống không còn hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn lại được, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Hữu Q.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Hữu L, sinh ngày 20/11/2008 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 07/12/2022, người làm chứng bà Hà Kim N trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Phan Hữu Q, giữa chị T và anh Q thành hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh Q, chị T sống chung với gia đình bà, thời gian đầu sống hạnh phúc, sau này anh Q nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh Q có lần dùng vũ lực đánh chị T và chị T và anh Q đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Về con chung của chị T và anh Q là cháu Phan Hữu L, sinh ngày 20/11/2008 hiện đang sống chung với chị T, chị T đi làm gửi cháu L cho bà chăm sóc, chị T thường xuyên tới lui lo cho con và gửi tiền để bà lo cho cháu L. Cháu L hiện đang học lớp 9, học lực giỏi, cuộc sống của cháu đảm bảo, cháu L phát triển tốt, bà thống nhất để chị T nuôi con và bà sẽ phụ chị T chăm lo cho cháu L do trước đây anh Q có thời gian nghiện ma túy nên hiện nay sức khỏe không tốt, không đảm bảo việc nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Cẩm T, xử cho chị T ly hôn với anh Phan Hữu Q. Về con chung: Giao con chung tên Phan Hữu L, sinh ngày 20/11/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, khấu trừ số tiền chị T đã nộp tạm ứng trước, chị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Huỳnh Cẩm T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Phan Hữu Q cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Huỳnh Cẩm T có đơn xin vắng mặt ngày 07/12/2022, bị đơn anh Phan Hữu Q được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Hà Kim N vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà N đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Huỳnh Cẩm T và anh Phan Hữu Q thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 vào ngày 16/6/2008 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh Q thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống do anh Q nghiện ngập ma túy và vợ chồng ly thân thời gian dài không hàn gắn lại được. Theo lời trình bày của chị T cũng như bà N là mẹ ruột của anh Q đều xác định giữa chị T và anh Q không còn tình cảm. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh Q vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh Q không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Phan Hữu L, sinh ngày 20/11/2008 hiện đang sống trực tiếp với chị T, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị Huỳnh Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Hữu Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Cẩm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Cẩm T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Cẩm T. Xử cho chị T ly hôn với anh Phan Hữu Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Hữu L, sinh ngày 20/11/2008 cho chị Huỳnh Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Hữu Q không phải cấp

dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Cẩm T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Cẩm T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014808 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 16/6/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An